ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 115/2017/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 01 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, huy hiệu, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2984/TTr-SNV ngày 01 tháng 11 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, Khen thưởng bao gồm 08 Chương 47 Điều.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 11 năm 2017 và thay thế Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng; Quyết định số 94/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 16, Điều 35 của Quy chế Thi đua, Khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Thi đua, Khen thưởng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 115/2017/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định đối tượng, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự, thời gian, nội dung, thủ tục, tổ chức trao thưởng, quyền và nghĩa vụ, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thu hồi, cấp đổi, cấp lại hình thức khen thưởng trong công tác thi đua, khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua: công dân Việt Nam, các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

2. Đối tượng khen thưởng: các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này có thành tích tiêu biểu xuất sắc đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn quốc phòng - an ninh tỉnh Ninh Thuận.

3. Các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua

1. Tự nguyện, tự giác, công khai.

2. Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

3. Thi đua có kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu, thời hạn và tiêu chí cụ thể.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng

1. Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.

2. Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.

3. Kết hợp chặt chẽ giữa động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.

4. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được.

5. Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, công chức, viên chức thừa hành, nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, công nhân lao động giỏi, lao động sáng tạo ở vùng khó khăn, vùng đồng bào ở cơ sở khi đề nghị khen thưởng chuyên đề cấp tỉnh đối với cá nhân phải đảm bảo tỉ lệ ít nhất là 65% trở lên.

6. Không tặng nhiều hình thức khen thưởng cho một thành tích đạt được. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để đề nghị nâng mức khen thưởng lần sau.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

7. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

8. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

9. Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng nhưng không quá hai Bằng khen chuyên đề của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong một năm (trừ khen thưởng đột xuất, khen thưởng theo niên hạn) đối với tập thể và cá nhân.

Trong 01 năm không đề nghị cấp trên xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn).

10. Không xét khen thưởng sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hội thao, hội diễn, hội thi. Trường hợp xem xét khen thưởng phục vụ nhiệm vụ chính trị thì thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

11. Tập thể, cá nhân đã trình bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương khen thưởng thì không trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

12. Xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

Điều 5. Căn cứ xét danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Căn cứ để xét danh hiệu thi đua:

a) Phong trào thi đua;

b) Đăng ký tham gia thi đua (trừ hộ gia đình);

c) Thành tích thi đua;

d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ để xét khen thưởng:

a) Tiêu chuẩn khen thưởng;

b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích;

c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 6. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

a) Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Tập thể Lao động xuất sắc;

c) Tập thể Lao động tiên tiến, Đơn vị tiên tiến;

d) Thôn, tổ dân phố, khu phố, làng văn hóa.

2. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân:

a) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh;

b) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

c) Lao động tiên tiến, chiến sĩ tiên tiến.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là gia đình văn hóa.

4. Danh hiệu thi đua được xét tặng hàng năm hoặc theo đợt.

Điều 7. Hình thức khen thưởng gồm

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Giấy khen của thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Hình thức khen thưởng được xét tặng khi kết thúc năm công tác, kết thúc một chuyên đề thi đua hoặc một đợt thi đua, khen đột xuất, khen phục vụ nhiệm vụ chính trị.

Điều 8. Thời gian, nội dung đăng ký thi đua

1. Thời gian đăng ký thi đua thực hiện nhiệm vụ công tác năm từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 30 tháng 01 năm sau; riêng ngành giáo dục và đào tạo đăng ký thi đua trước ngày 30 tháng 10 hàng năm đối với các đơn vị xét thi đua theo năm học, trước ngày 30 tháng 01 hàng năm đối với các đơn vị xét thi đua theo năm công tác. Đối với thi đua theo đợt (chuyên đề), thời gian đăng ký thi đua thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nội dung đăng ký thi đua gồm:

a) Đối với tập thể:

- Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao: nêu cụ thể mức phấn đấu thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu do cơ quan có thẩm quyền giao hoặc các nhiệm vụ, chỉ tiêu tự xây dựng và được cơ quan cấp trên chấp thuận.

- Công tác thi đua, khen thưởng: công tác chỉ đạo, tổ chức phong trào thi đua, các giải pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng; thực hiện, quán triệt, học tập, phổ biến Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành; công tác xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến, kiểm tra đôn đốc, sơ kết, tổng kết, biểu dương, khen thưởng.

- Tham gia công tác xã hội tại địa phương.

- Xây dựng cơ quan, tổ chức đảng, các đoàn thể.

- Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

b) Đối với cá nhân:

- Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chấp hành quy định của cơ quan, rèn luyện về phẩm chất, đạo đức lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật;

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao (nêu cụ thể mức phấn đấu thực hiện từng nhiệm vụ, chỉ tiêu do người có thẩm quyền giao);

- Tham gia các phong trào thi đua do cơ quan, đoàn thể, địa phương nơi cư trú phát động;

- Phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới hoặc giải pháp để thực hiện nhiệm vụ;

- Tham gia xây dựng cơ quan, tổ chức đảng, các đoàn thể;

- Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức thi đua, khen thưởng trái với chính sách, pháp luật của Nhà nước; lợi dụng thi đua, khen thưởng để vụ lợi.

2. Cản trở hoặc ép buộc tham gia các phong trào thi đua.

3. Kê khai gian dối, làm giả hồ sơ, xác nhận, đề nghị sai trong thi đua, khen thưởng.

4. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn để đề nghị, quyết định khen thưởng trái pháp luật.

5. Lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể trong thi đua, khen thưởng.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì, phối hợp với tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cùng cấp để tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các tổ chức xã hội khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức hoặc phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến;

b) Phối hợp, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; tham gia với các cơ quan chức năng tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

c) Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm và nhiệm vụ chính trị được giao để tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; thẩm định thành tích trình khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phạm vi toàn tỉnh; thực hiện lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quản công tác thi đua, khen thưởng.

2. Cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng (phòng tổ chức - cán bộ, phòng tổ chức - hành chính, văn phòng, phòng công tác chính trị, phòng chính trị, phòng nội vụ) các sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thành phố, cơ quan đơn vị, doanh nghiệp có trách nhiệm tham mưu cho thủ trưởng cùng cấp về chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện, thẩm định thành tích trình khen thưởng; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, xây dựng và nhân rộng các điển hình tiên tiến trong phạm vi quản lý; thực hiện lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan thông tin đại chúng

Các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền pháp luật về thi đua, khen thưởng; tình hình công tác thi đua, khen thưởng, phổ biến kinh nghiệm, cách làm của các điển hình tiên tiến, nêu gương người tốt, việc tốt để cổ vũ mọi người thi đua và học tập làm theo. Phát hiện các điển hình, nhân tố mới xuất sắc trong phong trào thi đua, gương người tốt việc tốt phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; giới thiệu cơ quan có thẩm quyền xem xét khen thưởng đồng thời đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II
TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 13. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ đột xuất hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Cơ quan chủ trì công tác thi đua chuyên đề phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định trước khi tham mưu Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch, chương trình, biện pháp tổ chức phong trào thi đua, sơ kết, tổng kết, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện, thẩm định thành tích xét khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

Điều 14. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý và một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua phải gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức và có tính khả thi, có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm để đề ra chỉ tiêu, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và đảm bảo các điều kiện tinh thần, vật chất cho phong trào. Thường xuyên theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức; các phương tiện thông tin đại chúng trong việc phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng gương điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, ý nghĩa, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

Điều 15. Tổ chức khối, cụm thi đua

1. Tổ chức các khối thi đua tỉnh là các sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thành phố, doanh nghiệp thuộc tỉnh, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trung ương trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức cụm thi đua:

a) Cụm thi đua các đơn vị sự nghiệp (trường học, bệnh viện, trung tâm) thuộc ngành y tế, giáo dục giao Sở Y tế và Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức sau khi thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

b) Cụm thi đua các xã, phường, thị trấn giao Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức sau khi thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

c) Việc thành lập các cụm thi đua khác tùy thuộc vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương sau khi thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

3. Khối, cụm thi đua hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hiệp tác cùng phát triển, có nhiệm vụ phối kết hợp tổ chức trong phong trào thi đua, xây dựng nhân rộng điển hình tiên tiến, bình chọn suy tôn đơn vị dẫn đầu để Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cờ thi đua.

4. Tổ chức hoạt động của cụm, khối thi đua để tổ chức thực hiện các phong trào thi đua, giao Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hoạt động của cụm, khối thi đua theo hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình thực tiễn của địa phương.

Chương III
DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 16. Danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến"

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" thực hiện theo quy định tại Điều 24 của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị để được bình xét danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến". Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được tính để xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

4. Thời gian nghỉ thai sản theo, quy định được tính để bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

6. Không xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến" đối với các cá nhân mới tuyển dụng dưới 10 tháng; bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 17. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt tiêu chuẩn danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến";

2. Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

3. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" do người có thẩm quyền quyết định danh hiệu thi đua căn cứ vào tình hình thực tiễn quy định cho phù hợp, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" trong đơn vị, ngành:

a) Tỷ lệ Chiến sĩ thi đua cơ sở đối với công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo quản lý chiếm tỷ lệ dưới 70% của 15% Chiến sĩ thi đua cơ sở của cơ quan, đơn vị, ngành.

b) Tỷ lệ Chiến sĩ thi đua cơ sở đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ phải chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên của 15% Chiến sĩ thi đua cơ sở của cơ quan, đơn vị, ngành.

Điều 18. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh"

1. Danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, công nhận. Sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Bộ trưởng Bộ Công an hoặc Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, công nhận.

3. Thời gian trình danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" liền kề năm cá nhân có quyết định tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" lần thứ ba.

Điều 19. Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" được xét tặng cho:

a) Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương; tập thể của đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương;

b) Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Các đơn vị trực thuộc, phòng, phân xưởng, tổ đội thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Tiêu chuẩn:

a) Hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao.

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả.

c) Có trên 50% cá nhân trong tập thể, đơn vị đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 20. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc"

1. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" được xét tặng cho:

a) Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

b) Bệnh viện tỉnh và các phòng, khoa trực thuộc;

c) Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

d) Doanh nghiệp và các hợp tác xã.

2. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chí sau:

a) Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

b) Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân trong tập thể, đơn vị đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" hoặc "Chiến sĩ tiên tiến";

Riêng đối với phòng chuyên môn thuộc cơ quan hành chính, cơ quan Đảng, Mặt trận và đoàn thể có 100% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu Lao động tiên tiến;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" và không có cá nhân bị xử phạt hành chính, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Tỷ lệ khen thưởng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc" không quá 50% tổng số tập thể, đơn vị trực thuộc sở ban ngành tỉnh, đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thành phố và tương đương.

Điều 21. Danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, khu phố văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa"

Căn cứ quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân các tỉnh hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn xét tặng các danh "Gia đình văn hóa", "Thôn, khu phố văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa" phù hợp với đặc điểm cụ thể của địa phương.

Điều 22. Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các đơn vị dẫn đầu các khối (cụm) thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành xuất sắc vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

b) Có nhân tố mới, mô hình mới hoạt động hiệu quả để các đơn vị khác học tập;

c) Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác;

d) Được các đơn vị trong khối (cụm) thi đua suy tôn là đơn vị tiêu biểu dẫn đầu.

2. Cờ thi đua Ủy ban nhân dân tỉnh được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh phát động được đánh giá khi sơ kết, tổng kết hoặc trong các trường hợp đặc biệt, theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh quyết định.

Chương IV
TIÊU CHUẨN BẰNG KHEN, HUY HIỆU, GIẤY KHEN

Điều 23. Tiêu chuẩn Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc tỉnh;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp;

d) Tỷ lệ "Bằng khen" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về khen thưởng thành tích công tác năm không quá 50% cá nhân giữ chức vụ lãnh đạo.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho tập thể thuộc cơ quan đảng, Nhà nước, các đoàn thể, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc sở, ngành, tỉnh;

c) Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật.

3. Tiêu chuẩn đối với tập thể không thuộc đối tượng tại khoản 2 điều này:

a) Có hai năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, có phong trào thi đua nền nếp, thiết thực, hiệu quả;

b) Nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm, tích cực đấu tranh chống tham nhũng;

c) Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với các thành viên trong tập thể;

d) Có hai lần được tặng giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Giám đốc sở, ban, ngành tỉnh và tương đương.

4. Các tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất phạm vi ảnh hưởng trong huyện, tỉnh hoặc có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các đợt thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo cấp tỉnh phát động được xét tặng Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội; giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chí khen thưởng cụ thể.

Điều 24. Tiêu chuẩn Huy hiệu tỉnh Ninh Thuận

1. Huy hiệu tỉnh Ninh Thuận tặng cho cá nhân có nhiều công lao, thành tích đóng góp vào quá trình xây dựng và phát triển tỉnh Ninh Thuận.

2. Tên Huy hiệu, tiêu chuẩn khen thưởng Huy hiệu theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Điều 25. Tiêu chuẩn Giấy khen

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.”

3. Giấy khen tặng cho hộ gia đình theo quy định tại khoản 4 điều 76 của Luật Thi đua, khen thưởng.

a) Giấy khen của thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội;

b) Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các cá nhân, tập thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định.

Điều 26. Tiêu chuẩn khen thưởng cấp Nhà nước

1. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 9, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

2. Cờ thi đua của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 11, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

3. Huân chương các loại thực hiện theo quy định từ Điều 14 đến Điều 33 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

4. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 38, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 27. Về công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

Việc đánh giá, công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, công nhận.

2. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng là đề tài khoa học đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên, được áp dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả cao, đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; ở cấp tỉnh thì xét, tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; ở cấp toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

4. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng với các hình thức khen thưởng theo quy định.

Chương V
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TỔ CHỨC TRAO TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 28. Thẩm quyền quyết định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng:

a) Cờ thi đua;

b) Tập thể Lao động xuất sắc;

c) Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh;

d) Bằng khen;

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành thuộc tỉnh và tương đương quyết định tặng:

a) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Lao động tiên tiến;

c) Tập thể Lao động tiên tiến;

d) Giấy khen.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định tặng:

a) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Lao động tiên tiến;

c) Tập thể Lao động tiên tiến;

d) Danh hiệu thôn, khu phố, làng, tổ dân phố văn hóa;

đ) Giấy khen.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng:

a) Danh hiệu "Gia đình văn hóa";

b) Lao động tiên tiến;

c) Giấy khen.

5. Người lao động, tập thể người lao động làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài; hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại...do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã trực tiếp quản lý xem xét, quyết định tặng:

a) Chiến sĩ thi đua cơ sở;

b) Lao động tiên tiến;

c) Tập thể Lao động tiên tiến;

d) Giấy khen.

Điều 29. Trao tặng khen thưởng

1. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng nào thì trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đó.

2. Người được ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không được ủy quyền lại.

Điều 30. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

1. Việc tổ chức lễ trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại điều 2, 25, 26, 27, 28 Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định việc tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài.

2. Công bố quyết định khen thưởng do lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoặc lãnh đạo đơn vị tổ chức thực hiện.

Điều 31. Mẫu danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và quản lý cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng

1. Mẫu danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Giám đốc các doanh nghiệp và tương đương thực hiện theo quy định tại các Điều 30, 31, 32, 33, 36 Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thúc khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

2. Việc quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 40, 41, 42, 43 Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thúc khen

thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

3. Đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến"; danh hiệu thôn, khu phố, làng, tổ dân phố văn hóa; giấy khen thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thì bằng chứng nhận được sử dụng hình quốc huy in ở chính giữa, các ngành, tổ chức, đơn vị khác thì sử dụng biểu tượng của ngành, tổ chức, đơn vị mình; về hoạ tiết trang trí hoa văn đường diềm, hình nền của bằng chứng nhận không được giống hoặc tương tự với bằng khen cấp tỉnh, bộ ngành trung ương, cấp Nhà nước và có kích thước nhỏ hơn bằng khen cấp tỉnh.

Chương VI
LOẠI HÌNH, QUY TRÌNH, BÁO CÁO, HỒ SƠ KHEN THƯỞNG VÀ MỨC TIỀN KHEN THƯỞNG

Điều 32. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

4. Khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc

a) Thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP: là thành tích được cơ quan, tổ chức trong khu vực hoặc thế giới tặng thưởng huy chương, giải thưởng, giấy chứng nhận và các hình thức ghi nhận hợp pháp khác, phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và được cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của Việt Nam thừa nhận.

b) Sở, ban, ngành, địa phương có tập thể, cá nhân lập được thành tích đặc biệt xuất sắc căn cứ quy định, tình hình thực tiễn và phạm vi ảnh hưởng, kịp thời hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Thủ tướng Chính phủ.

5. Khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo; khen thưởng doanh nghiệp.

a) Khen thưởng quá trình cống hiến: sở, ban, ngành, địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn trước khi nghỉ chế độ 06 tháng.

b) Khen thưởng tổ chức, cá nhân thuộc các tổ chức tôn giáo

Tổ chức, cá nhân thuộc giáo hội tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, khen thưởng.

c) Khen thưởng đối với doanh nghiệp

- Việc khen thưởng đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm toán phải có Báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng. Đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

- Tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp hoạt động ở địa phương nơi đặt trụ sở giao dịch chính (bao gồm doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc hoạt động ở địa phương khác) do người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Đơn vị thành viên của doanh nghiệp nhưng hạch toán độc lập và thực hiện nghĩa vụ ở địa phương khác do người đứng đầu doanh nghiệp khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

- Trường hợp tập thể, cá nhân thuộc doanh nghiệp có thành tích đóng góp cho địa phương ngoài nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

6. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân theo quy định.

7. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

8. Khen thưởng tập thể, cá nhân đạt giải tại các hội thi, hội diễn, hội thao do Ban tổ chức hội thi, hội diễn, hội thao cùng cấp khen thưởng.

Điều 33. Tuyến trình khen thưởng

1. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách ở địa phương, do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

4. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể: Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức và quỹ lương thì cấp đó xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc tỉnh, do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc huyện, thành phố do cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

5. Đối với các tổ chức hội:

a) Các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng gồm: Hội có tổ chức Đảng trực thuộc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;

b) Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp tỉnh, do sở quản lý Nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực đó khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

c) Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Đối với các tổ chức kinh tế:

a) Đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc cấp giấy phép thành lập và hoạt động hoặc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng. Đối với Quỹ tín dụng nhân dân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Đối với doanh nghiệp Nhà nước: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với doanh nghiệp Nhà nước do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý;

c) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc tổ chức được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

d) Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ: tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 34. Quy trình xét khen thưởng năm công tác

1. Tập thể, cá nhân tự đánh giá thành tích, so sánh với chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao và đối chiếu với tiêu chuẩn khen thưởng quy định để đề nghị hình thức khen thưởng;

2. Xét khen thưởng cá nhân trước, tập thể sau, danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau;

3. Hội đồng xét duyệt sáng kiến xét công nhận sáng kiến, cải tiến, áp dụng công nghệ mới, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu đối với cá nhân có sáng kiến làm cơ sở xét khen thưởng và trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp xét đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân trực thuộc và biểu quyết theo nguyên tắc đa số như sau:

a) Đối với các danh hiệu vinh dự Nhà nước, "giải thưởng Hồ Chí Minh", "giải thưởng Nhà nước", danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh", "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" đạt từ 90% số phiếu thành viên Hội đồng tán thành trở lên.

b) Đối với các hình thức khen thưởng có trên 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tán thành;

5. Danh sách tập thể, cá nhân được khen thưởng, đề nghị cấp trên khen thưởng được niêm yết, công bố công khai một tuần để mọi người tham gia ý kiến;

6. Căn cứ kết quả xét duyệt của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và ý kiến phản ánh của tập thể, cá nhân, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

7. Thông báo kết quả: đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình và tập thể, cá nhân đó biết cụ thể lý do.

8. Doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước khi trình khen thưởng phải có xác nhận của cơ quan tài chính về việc đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

9. Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng các cơ quan đơn vị trên địa bàn chịu trách nhiệm về thủ tục và nội dung hồ sơ khen thưởng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

10. Cơ quan đơn vị trình cấp trên khen thưởng cho tập thể, cá nhân trực thuộc nhưng không được duyệt thì thủ trưởng cấp trình xem xét khen thưởng.

Điều 35. Thời gian gửi báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm

a) Các sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể tỉnh, các huyện, thành phố, cơ quan, đơn vị chậm nhất ngày 20 tháng 11;

b) Các doanh nghiệp chậm nhất ngày 30 tháng 11;

c) Các khối thi đua tỉnh chậm nhất ngày 10 tháng 12, riêng đối với các khối thi đua doanh nghiệp tỉnh chậm nhất ngày 15 tháng 12.

Điều 36. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng năm công tác

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan đảng, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thành phố, cơ quan đơn vị, lực lượng vũ trang nhân dân (bao gồm Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Biên phòng tỉnh) chậm nhất ngày 10 tháng 12, đối với doanh nghiệp chậm nhất ngày 15 tháng 01 năm sau.

2. Ngành giáo dục và đào tạo (bao gồm tập thể, cá nhân thuộc cơ quan sở, các trường học, đơn vị thuộc sở, các phòng, trường học thuộc huyện, thành phố) và các trường dạy nghề thuộc ngành lao động, thương binh và xã hội trình khen khi kết thúc năm học, chậm nhất ngày 30 tháng 6.

3. Không xem xét khen thưởng đối với những hồ sơ trình khen thưởng năm công tác quá thời hạn quy định nêu trên.

Điều 37. Hồ sơ đề nghị danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng trình Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Báo cáo thành tích năm công tác như sau:

a) Danh hiệu "Cờ thi đua", "Tập thể lao động xuất sắc": Báo cáo thành tích 01 năm;

b) Bằng khen Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: báo cáo thành tích 02 năm;

c) Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh": báo cáo thành tích 03 năm; nội dung sáng kiến, hiệu quả mang lại, phạm vi áp dụng, quyết định công nhận của Hội đồng Xét duyệt sáng kiến cơ sở nêu cụ thể trong báo cáo thành tích;

d) Nội dung báo cáo thành tích theo mẫu (kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ): 01 bản.

2. Hồ sơ năm công tác:

a) Tờ trình kèm biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: 02 bản;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân theo mẫu số 01 đối với tập thể, mẫu 02 đối với cá nhân (kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ): 01 bản;

c) Đối với những trường hợp có nghĩa vụ nộp ngân sách thì cơ quan tài chính có trách nhiệm ý kiến nội dung này: 01 bản.

3. Hồ sơ khen thưởng chuyên đề, phục vụ nhiệm vụ chính trị, khen thưởng tổng kết các chương trình mục tiêu gửi trước ngày tổ chức hội nghị tổng kết ít nhất 10 ngày làm việc.

a) Tờ trình kèm biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan trình hoặc của ban chỉ đạo cấp tỉnh: 02 bản;

b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân theo mẫu số 07 (kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ): 01 bản;

c) Văn bản đề nghị của sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với tập thể, cá nhân trực thuộc): 01 bản.

4. Thủ tục hồ sơ khen thưởng trong đóng góp an sinh xã hội và hoạt động từ thiện, nhân đạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận gửi trước ngày tổ chức trao ít nhất 05 ngày làm việc.

a) Văn bản trình của cơ quan, tổ chức, địa phương: 02 bản;

b) Biên bản xét đề nghị khen thưởng: 02 bản;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân, trường hợp khen đột xuất thì không phải viết báo cáo thành tích mà phải tóm tắt thành tích trong biên bản, tờ trình theo mẫu số 07 (kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ);

d) Các tài liệu khác (01 bộ chính): các đơn vị trình khen thưởng phải gửi trước cho Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) các tài liệu chứng minh việc cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng đã nộp tiền, vật chất, ngày công lao động để làm cơ sở thẩm định.

5. Hồ sơ đề nghị theo thủ tục đơn giản gồm: chỉ áp dụng cho khen thưởng đột xuất và thực hiện theo Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng. Việc đề nghị khen thưởng phải thực hiện ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đột xuất. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất do quan, đơn vị có thẩm quyền trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh gồm:

a) Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng;

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý trực tiếp, trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

6. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và xét trình Nhà nước khen thưởng phải là bản chính.

Điều 38. Hồ sơ trình khen thưởng cấp Nhà nước

1. Hồ sơ trình khen thưởng đối với các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, Chủ tịch nước thực hiện theo quy định tại Điều 45, 49, 51, 52, 53, 54, 55, 56, 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Thời gian trình khen thưởng cấp Nhà nước về thành tích năm công tác như sau:

a) Đối với tập thể, cá nhân thuộc cơ quan đảng, Nhà nước, doanh nghiệp thời gian trình chậm nhất ngày 30 tháng 01 hàng năm;

b) Đối với ngành giáo dục và đào tạo (bao gồm cơ quan sở giáo dục và đào tạo, các trung tâm, các trường thuộc ngành giáo dục và đào tạo, Trường cao đẳng nghề tỉnh) thời gian trình khen chậm nhất ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Điều 39. Tiền thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Cá nhân, tập thể được khen thưởng ngoài việc được công nhận các danh hiệu thi đua, Cờ Thi đua, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước; tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen kèm theo hiện vật khen thưởng; còn được thưởng tiền hoặc hiện vật có giá trị tương đương quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72, 73 và Điều 74 của Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 theo nguyên tắc:

1. Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

2. Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

3. Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

4. Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

5. Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Chương VII
QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HÀNH VI VI PHẠM, XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; THU HỒI, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 40. Quyền của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Được tham gia các phong trào thi đua do Nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

2. Được đề nghị xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Có quyền góp ý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng cho cá nhân, tập thể có đủ thành tích và tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

4. Đề nghị cấp có thẩm quyền không xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng, thu hồi các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được tặng hoặc khen thưởng không đúng tiêu chuẩn, không đúng thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 41. Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

1. Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng.

2. Không góp ý mang tính xúc phạm danh dự, nhân phẩm của cá nhân, tập thể được dự kiến xét tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng hoặc đã được tặng danh hiệu, hình thức khen thưởng.

3. Từ chối nhận danh hiệu hoặc hình thức khen thưởng không xứng đáng với thành tích và không đúng tiêu chuẩn, thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 42. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân được khen thưởng

1. Hành vi vi phạm của cá nhân được khen thưởng:

a) Vi phạm các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 9 của Quy chế này;

b) Cố tình che giấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;

c) Dùng tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác nhằm mua chuộc người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Bị huỷ bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;

b) Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

c) Tuỳ theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm khoản 1 Điều này bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

d) Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

Điều 43. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân và cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Hành vi vi phạm của cá nhân hoặc tập thể có thẩm quyền trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng:

a) Xác nhận sai sự thật về thành tích của cá nhân, tập thể;

b) Làm giả hồ sơ, giấy tờ cho người khác để đề nghị khen thưởng;

c) Nhận tiền, các lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để ra quyết định khen thưởng trái pháp luật;

đ) Không thực hiện đúng quy trình, thủ tục xét khen thưởng theo quy định tại quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này: cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Hồ sơ, thủ tục huỷ bỏ quyết định khen thưởng

1. Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng cho cá nhân.

2. Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

Điều 45. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại về:

a) Nhận xét sai sự thật của cấp có thẩm quyền đối với thành tích và khuyết điểm của mình trong hồ sơ, thủ tục, trình cấp có thẩm quyền xét khen thưởng;

b) Cá nhân, cấp có thẩm quyền thực hiện không đúng thủ tục, quy trình trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Cá nhân có quyền tố cáo cấp có thẩm quyền về:

a) Hành vi vi phạm Điều 9 của Quy chế này;

b) Quyết định khen thưởng cho cá nhân, tập thể không đúng tiêu chuẩn, không đúng quy định của pháp luật;

c) Hành vi trù dập cá nhân của cấp có thẩm quyền.

3. Hình thức khiếu nại, tố cáo:

a) Trực tiếp gặp người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng;

b) Gửi văn bản đến người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 46. Giải quyết khiếu nại tố cáo

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 47. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ Quy chế này, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thủ trưởng cơ quan, đơn vị trên địa bàn cụ thể hóa xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng cấp mình và tổ chức thực hiện.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh thực hiện Quy chế này.

3. Các cơ quan Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân căn cứ quy chế và các văn bản của Nhà nước về thi đua, khen thưởng để thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh bằng văn bản về Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lưu Xuân Vĩnh